

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HS - ST
Ngày: 25 - 10 - 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạ, ông Phương Quốc Luyện.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Thái Long – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 25/10/2018, tại Nhà văn hóa khu dân cư T, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2017/TLST - HS ngày 28/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 tại thị xã C, tỉnh Hải Dương

Nơi cư trú: Khu dân cư T, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị H; có vợ là Nguyễn Thị T và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1990 bị Công an huyện Chí Linh (nay là thị xã Chí Linh), tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong quyết định trên; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/6/2018, đến ngày 27/6/2018 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Phạm Văn S, sinh năm 1983 tại thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Khu dân cư K, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quốc H và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/6/2018, đến ngày 27/6/2018 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Nguyễn Văn N, sinh năm 1985 tại thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn V, xã V, thị xã C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc

tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Thị X; có vợ là Nguyễn Thị M và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/6/2018, đến ngày 27/6/2018 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1974 tại thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Khu dân cư T, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Đinh Thị H; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2011, bị Công an thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc bằng hình thức phạt tiền, bị cáo đã chấp hành xong quyết định trên ngày 08/11/2011; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 25/6/2018, sau khi ăn S xong, Nguyễn Văn H, Phạm Văn S và Nguyễn Văn Ng rủ nhau đến quán Bi-a Lucky tại số 40, đường Nguyễn Thị D, khu dân cư T, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương để đánh Bi-a được thu bằng tiền. Bàn Bi-a số 206 của quán Lucky là loại bàn hình chữ nhật có 04 lỗ ở góc và 02 lỗ ở cạnh bàn (gọi là lỗ 10), theo luật chơi các đối tượng sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 lá của quán Lucky và quy ước các lá bài từ A đến K tương ứng với các bóng bi-a từ 01 đến 13, bi số 14 và 15 và bi cái không quy ước tương ứng với lá bài. Mỗi người chơi sẽ được chia 10 lá bài, căn cứ vào các lá bài được chia, người chơi sẽ sử dụng gậy gỗ đánh bi cái màu trắng không có số vào các bi tương ứng với các lá bài mình được chia để cho các bi rơi xuống lỗ. Người nào hết bài trên tay trước là người thắng. Người những còn lại đếm số lá bài còn lại trên tay để trả tiền cho người thắng, mỗi lá bài là 20.000 đồng, nếu người chơi đánh bi vào 02 lỗ ngang (lỗ 10) thì những người còn lại phải trả cho người đó 20.000 đồng. Người đánh bi cái xuống lỗ hoặc đánh nhầm bi khác không tương ứng với các lá bài trên tay gọi là Sẹo thì phải trả cho mỗi người chơi còn lại 20.000 đồng. H, S và Ng chơi được một lúc thì Nguyễn Văn N đến cùng tham gia đánh bạc. H bỏ ra số tiền 3.655.000 đồng, S bỏ ra số tiền 1.500.000 đồng, N bỏ ra số tiền 1.000.000 đồng, Ng bỏ ra số tiền 300.000 đồng để sử dụng vào việc đánh bạc. Các đối tượng đánh nhiều ván liên tiếp, đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì Ng về trước. H, N, S tiếp tục đánh bạc đến khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày thì bị lực lượng công an thị xã Chí Linh phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ số tiền 1.755.000 đồng các tội tượng để tại các lỗ của bàn bi-a số 206; thu giữ của H số tiền 3.500.000 đồng đang cầm trên tay để thanh toán trả cho người thắng trong ván vừa chơi xong; N tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc; thu giữ 01 bàn bi-a và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá. Khi được triệu tập đến làm việc Ng đã giao nộp số tiền 200.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc còn lại.

Tại Cáo trạng số 63/CT - VKS - CL ngày 21/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Văn S, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Ng về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 231 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên và đều xin Hội đồng xét xử xem xét tạo điều kiện cho được cải tạo tại địa phương. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo S, N và Ng. Xử phạt bị cáo H từ 09 đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; xử phạt bị cáo S từ 07 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt các bị cáo N và Ng từ 06 đến 07 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian các bị cáo S và N đã bị tạm giam là 03 ngày được quy đổi và trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo S, N, Ng trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước; về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; về xử lý vật chứng: Tịch thu toàn bộ số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc đã thu giữ sung quỹ Nhà nước; về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ 09 giờ 30 phút đến 12 giờ 20 phút ngày 25/6/2018, tại bàn Bi-a số 206 của quán Lucky, số 40, đường Nguyễn Thị D, khu dân cư T, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Văn H, Phạm Văn S, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Ng có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh Bi-a được thua bằng tiền. Đến khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an thị xã Chí Linh phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 6.455.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng làm mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích tư lợi. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Đây là vụ án đồng phạm với tính chất giản đơn nên cần đánh giá vai trò, trị giá cũng như xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

Các bị cáo H và S đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, bị cáo H sử dụng số tiền nhiều nhất (3.655.000 đồng) để đánh bạc nên giữ vai trò đầu trong vụ án, bị cáo S sử dụng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc nên S giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo N sử dụng số tiền 1.000.000 đồng vào việc đánh bạc, bị cáo Ng sử dụng số tiền 300.000 đồng vào việc đánh bạc nhưng các bị cáo không tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt nên cùng giữ vai trò thứ ba trong vụ án sau các bị cáo H và S.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội; đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba năm 1997 nên bị cáo được hưởng thêm 01 tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đảm bảo mục đích trừng trị, giáo dục bị cáo, đồng thời cũng thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật.

Các bị cáo S, N, Ng có vai trò đồng phạm sau bị cáo H, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Hàng tháng khấu trừ 5% thu nhập của các bị cáo để sung quỹ Nhà nước. Thời gian các bị cáo S và N bị đã bị tạm giữ là 03 ngày sẽ được trừ vào thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ là 09 ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều là lao động tự do, điều kiện kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Số tiền 6.455.000 đồng đã thu giữ là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí: Các bị cáo có tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Ng quyết của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Văn S, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Ng phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Ng.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 (chín) ngày, bị cáo còn phải chấp hành 07 (bảy) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo Phạm Văn S trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 (chín) ngày, bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã V, thị xã C, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo Phạm Văn S trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ng 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Văn Ng trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Văn Ng cho Ủy ban nhân dân phường C, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường C, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã V, thị xã C, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, thị xã C, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.455.000 đồng đựng trong 01 phong bì niêm phong theo biên bản giao nhận tài sản ngày 02/7/2018 giữa Công an thị xã Chí Linh và Kho bạc Nhà nước thị xã Chí Linh.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Văn S, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Ng mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chí Linh;
- Công an thị xã Chí Linh;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Lâm